TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **343**/2019/DS-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lưu Hồng Y, sinh năm 1969
Địa chỉ: 262/113 Đoàn Văn Bơ, Phường 10, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Minh H1, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền số công chứng: 005397, quyển số 03/2018/HĐGD-CCBN ngày 27/3/2018).
Địa chỉ: 61 Đoàn Như Hài, Phường 12, Quận 4-TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1971
Địa chỉ: 122/34/15/4 Tôn Đản, Phường 10, Quận 4-TP. Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Ông Trần Văn M, sinh năm 1988
Địa chỉ: 122/38/18A Tôn Đản, Phường 10, Quận 4-TP. Hồ Chí Minh.

(Ông H1, bà H và ông M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Hồng Y có ông Diệp Minh H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do quen biết nên bà Lưu Hồng Y có thỏa thuận cho bà Trần Thị H vay tiền để kinh doanh, lãi suất được tính cứ 10.000.000 đồng sẽ trả tiền lãi là 1.200.000 đồng. Đầu năm 2017, bà Y cho bà H vay 20.000.000 đồng. Sau 04 tháng, bà Hồ đã trả hết tiền gốc và tiền lãi cho bà Y. Ngày 05/10/2017, bà H mượn lại 20.000.000 đồng với lãi suất như trên. Bà H đóng tiền lãi đầy đủ. Đến ngày 03/02/2017, bà H ngưng không trả tiền lãi và tiền gốc nữa. Trước đó, ngày 27/12/2017, bà H lấy lý do đang thiếu vốn để kinh doanh, muốn mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng và hứa sẽ trả đầy đủ. Do là hàng xóm với nhau, bà Y tin tưởng nên cho bà H mượn thêm 50.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H mượn của bà Y là 70.000.000 đồng. Ngày 27/01/2018, bà H có trả tiền lãi tháng đầu tiên là 5.500.000 đồng (cho khoản vay 50.000.000 đồng). Ngày 27/02/2018, đến ngày trả lãi tháng tiếp theo nhưng bà H không trả và có hứa đến ngày 03/3/2018 sẽ hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bà H không trả nợ như đã hứa. Bà Y tìm cách liên hệ nhưng bà H trốn tránh, tắt điện thoại nên bà Y không liên lạc được. Do chỗ quen biết nên khi cho bà H vay tiền, bà Y không làm giấy tờ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng và có ông Trần Văn M làm chứng. Nay bà Y yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng ngay sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/10/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Vào ngày 05/10/2017, bà có vay của bà Lưu Hồng Y số tiền 20.000.000 đồng và ngày 17/12/2017 bà vay của bà Y thêm 50.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần bà vay của bà Y là 70.000.000 đồng. Những lần vay tiền của bà Y, hai bên không lập hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Do giữa bà và bà Y là bạn bè, tin tưởng nhau nên không làm hợp đồng. Khi vay tiền, bà không thế chấp cho bà Y bất kỳ tài sản nào. Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, bà đã trả được cho bà Y 04 tháng tiền lãi, tiền vốn thì chưa trả. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng thì bà đã trả cho bà Y được 01 tháng tiền lãi là 5.500.000 đồng, tiền vốn thì chưa trả. Nay, bà xác nhận còn nợ bà Y số tiền vốn đã vay tổng cộng là 70.000.000 đồng. Bà xin được trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng số tiền lãi bà đã trả cho bà Y thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bà có chồng là ông Trần Ngọc Ph, sinh năm 1969. Bà và ông Ph chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2005, đến nay chưa ly hôn. Bà vay số tiền 70.000.000 đồng của bà Y là để tiêu dùng cá nhân. Bà xác định, số nợ nêu trên là nợ riêng của bà, không liên quan đến người khác.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2018, người làm chứng là ông Trần Văn M trình bày: Ông và bà Trần Thị H là hàng xóm, hai nhà kế vách nhau. Ông và bà Lưu Hồng Y là bạn bè. Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng mà bà Hồ vay của bà Y thì ông không chứng kiến. Riêng đối với khoản tiền 50.000.000 mà bà Y cho bà

H vay vào ngày 27/12/2017 thì ông có biết. Vào khoảng 11 giờ, ngày 27/12/2017, ông có qua nhà bà Y để rủ bà Y đi uống cà phê. Khi ông đang đứng trước nhà bà Y thì thấy bà H đi từ trên gác xuống, trên tay có cầm tiền. Khi vào nhà thì bà Y nói có cho bà H mượn 50.000.000 đồng. Ông cam kết lời khai là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho bà Lưu Hồng Y số tiền vốn còn thiếu tổng cộng là 700.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 4 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Diệp Minh H1 vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng là ông Trần Văn M vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/10/2018, ông Trần Ngọc Phát trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị H. Ông và bà Hồ chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2005, đến nay chưa ly hôn. Việc bà Hồ vay số tiền 70.000.000 đồng của bà Lưu Hồng Y thì ông hoàn toàn không biết và cũng không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà Y. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu bà Hồ trả số tiền đã vay là 70.000.000 đồng thì ông không có ý kiến và không tranh chấp. Bà Hồ vay tiền của bà Y để tiêu dùng cá nhân thì bà Hồ phải tự có trách nhiệm trả tiền, không liên quan gì đến ông.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/10/2018, bà Hồ cũng xác nhận, số tiền 70.000.000 đồng bà vay của bà Y là để tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến ông Ph. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông Trần Ngọc Phát vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai và sự xác nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án (biên bản lấy lời khai của đương sự; Biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản H1 giải cùng ngày 18/10/2018), có cơ sở xác định bà Trần Thị H có vay của bà Lưu Hồng Y số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 05/10/2017 và số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 17/12/2017, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hồ không thanh toán tiền vốn cho bà Y như thỏa thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định ***"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"***. Do đó, bà Y yêu cầu bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Thời hạn thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm thời hạn thanh toán, bà Y đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Y yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền vốn còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Hồng Y.

Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lưu Hồng Y số tiền vốn là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị H phải chịu án phí là 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 đồng (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Lưu Hồng Y theo biên lai số AG/2014/0008845 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Kiều